

Số: /QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4044/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1670/STNMT-VP ngày 27/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (03 thủ tục) trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

(Có danh mục chi tiết kèm theo tại Phụ lục I)

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của TTHC tại Quyết định này được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: csdl.dichvucong.gov.vn); Cổng Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: dichvucong.hoabinh.gov.vn), Trang Thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>), Trang thông tin của Sở Tài nguyên và Môi trường (địa chỉ: <http://sotainnguyen.hoabinh.gov.vn>).

Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm

quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

(Có danh mục chi tiết kèm theo tại Phụ lục II)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nội dung công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các nội dung thủ tục hành chính tương ứng được công bố tại Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình.

Điều 3. Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

- Giao Sở Tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này trên Công thông tin điện tử của tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở và niêm yết, công khai TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường và các cơ quan có liên quan căn cứ quy trình tại Quyết định này, xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh theo quy định. Thời gian chậm nhất ngày 10/5/2023.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (ThH.05b)

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khánh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HOÀ BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
*	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ 1.004122.000.00.00.H28	21 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định hồ sơ điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.400.000 đồng/hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình	<ul style="list-style-type: none">- Luật Tài nguyên nước 2012;- Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Nghị quyết số 277/2020/NQQ-HĐND ngày 23/7/2020 về quy định danh mục chi tiết, mức thu, miễn, giảm và tỷ lệ phần trăm (%) trích, nộp những khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ 1.004253.000.00.00.H28	11 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định hồ sơ cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: 700.000 đồng/hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ 2.001738.000.00.00.H28	16 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định hồ sơ Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: 700.000 đồng/hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

STT	Tên thủ tục hành chính	Tổng số ngày	Trình tự thực hiện theo cơ chế một cửa (ngày)				Ghi chú
			Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/ (B1: Tiếp nhận hồ sơ)	Phòng Tài nguyên nước và khí tượng (B2: Thời gian giải quyết hồ sơ)	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (B3: Ký duyệt hồ sơ, tờ trình)	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/ Sở Tài nguyên và Môi trường (B4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh hoặc trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân)	
1	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ 1.004122.000.00.00.H28	21 ngày	01 ngày	16 ngày	03 ngày	01 ngày	
2	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất 1.004253.000.00.00.H28	11 ngày làm việc	01 ngày	6,5 ngày	3 ngày	0,5 ngày	
3	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ 2.001738.000.00.00.H28	16 ngày	01 ngày	11 ngày	03 ngày	01 ngày	

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân tỉnh Hoà Bình)

1. Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi bản điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Đối với hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử, thành phần hồ sơ phải nộp là các bản sao chứng thực điện tử.

b) Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ:

Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước) có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

Nội dung thẩm định hồ sơ bao gồm:

Căn cứ pháp lý của việc đề nghị cấp phép hành nghề; sự đáp ứng các điều kiện hành nghề theo quy định;

Trường hợp cần thiết, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép giải trình, bổ sung để làm rõ nội dung hồ sơ; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề, năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

d) Bước 4: Quyết định cấp phép:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (theo Mẫu số 03, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).

Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.

đ) Bước 5: Thông báo kết quả:

Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép. Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

1.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Trung tâm PVHCC tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép.

Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất (Mẫu số 01, Phụ lục IV, ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (Mẫu số 02, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).

1.4. Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ

quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- *Quyết định cấp phép*: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (theo Mẫu số 03, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).

Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.

- *Trả Giấy phép*: Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thủ tục cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ theo Mẫu số 03, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT.

1.8. Phí thẩm định: Phí thẩm định hồ sơ điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.400.000 đồng/hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan dưới đất (*Mẫu số 01 Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT*).

- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (*Mẫu số 02 Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT*).

- Mẫu Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất có quy mô vừa và nhỏ (*Mẫu số 03 Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT*).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ và vừa có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình do cơ quan có thẩm quyền cấp.

b) Người đứng đầu tổ chức (Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc) hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề (sau đây gọi chung là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ:

Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên; đã trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất 03 (ba) công trình khoan nước dưới đất.

Trường hợp không có một trong các văn bằng quy định nêu trên thì đã trực tiếp thi công ít nhất 05 (năm) công trình khoan nước dưới đất;

- Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa:

Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan; đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất 03 (ba) công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên

quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

					lớn nhất (mm)	lớn nhất (m)	
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị khoan							

- Thiết bị khác:

Tên máy, thiết bị	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật chủ yếu	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị của tổ chức, cá nhân (máy bơm các loại, máy nén khí, thiết bị đo địa vật lý, dụng cụ đo mực nước, lưu lượng, máy định vị GPS...)					

(Trường hợp máy khoan và các thiết bị hành nghề không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thì phải kèm theo hợp đồng liên doanh hoặc giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc được sử dụng hợp pháp máy khoan, thiết bị trong thời gian hành nghề)

2. Nội dung đề nghị cấp phép:

2.1. Quy mô hành nghề:
(4)

2.2. Thời gian hành nghề:(5)

3. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:.....

4. Cam kết của chủ giấy phép:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* có đủ máy, thiết bị, năng lực chuyên môn để hành nghề khoan nước dưới đất theo quy mô đề nghị cấp phép nêu trên. *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* cam kết các nội dung, thông tin ghi trong Đơn, các tài liệu kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị *(tên cơ quan cấp phép)* xem xét và cấp giấy phép hành nghề cho *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)*./.

... ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(1) Tên cơ quan cấp phép: Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu hành nghề với quy mô vừa và nhỏ).

(2) Ghi rõ địa chỉ (số nhà, đường phố/thôn/ấp, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố) nơi đăng ký địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức), nơi đăng ký thường trú (đối với cá nhân hộ gia đình) của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

(3) Cá nhân đề nghị cấp phép hành nghề phải nộp kèm bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/định danh cá nhân hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu.

(4) Ghi rõ quy mô đề nghị cấp phép hành nghề là: nhỏ, vừa

(5) Ghi tối đa 5 năm.

(6) Liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo Đơn.

Mẫu số 02

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN TRONG HOẠT ĐỘNG
KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM
CHÍNH VỀ KỸ THUẬT**

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Số Chứng minh nhân dân / Căn cước công dân / Định danh cá nhân, ngày cấp, nơi cấp:
5. Nơi đăng ký thường trú:
6. Trình độ chuyên môn, ngành nghề được đào tạo:
7. Các văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:
8. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khoan nước dưới đất:
9. Đã trực tiếp tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng hoặc thi công, chỉ đạo thi công các công trình khoan nước dưới đất như sau:
 - Công trình có lưu lượng dưới 200 m³/ngày:(số công trình);
 - Công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đến 3000 m³/ngày: ...(số công trình);
 - Công trình có lưu lượng từ 3000 m³/ngày trở lên:(số công trình);
10. Thống kê các công trình đã trực tiếp tham gia thực hiện:

STT	Thông tin về công trình đã thực hiện				Thời gian thực hiện (2)	Chủ công trình (3)
	Tên công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Lưu lượng, m ³ /ngày đêm	Vai trò trong việc thực hiện (1)		
1						
2						
3						
...						

(Kèm theo giấy tờ chứng minh đã tham gia thiết kế, lập đề án, báo cáo, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công đối với các công trình khoan nước dưới đất kê khai trong bảng nêu trên).

Tôi xin cam đoan các thông tin kê khai nêu trên là đúng sự thật./.

**Xác nhận của tổ chức, cá nhân
(đề nghị cấp phép)**

..... ngày.... tháng..... năm

Người khai

(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ là chủ trì hoặc tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giềng, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công...

(2) Ghi rõ tháng, năm, thời gian tham gia thực hiện, thi công công trình.

(3) Ghi rõ tên của chủ công trình.”

Mẫu số 03

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) ngày tháng năm và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của thủ trưởng cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước (*trường hợp cơ quan cấp phép là Sở Tài nguyên và Môi trường*),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép, địa chỉ....*) hành nghề khoan nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Quy mô hành nghề:

2. Thời hạn hành nghề:

Điều 2. Các yêu cầu đối với (*tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*):.....

Điều 3. (*Tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*) được hưởng các quyền hợp pháp và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
-;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP
PHÉP**

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi các yêu cầu cụ thể đối với tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất nhằm quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

2.1. *Trình tự thực hiện:*

a) *Bước 1: Nộp hồ sơ:*

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi bản điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

Đối với hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử, thành phần hồ sơ phải nộp là các bản sao chứng thực điện tử.

b) *Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ:*

Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước) có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

c) *Bước 3: Thẩm định hồ sơ:*

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

d) *Bước 4: Quyết định cấp phép:*

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép quyết định cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).

Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.

đ) *Bước 5: Thông báo kết quả:*

Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép. Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ*: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép.

Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (*Mẫu số 07 Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT*)

- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- *Quyết định cấp phép*: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 11/2022/TT-BTNMT).

Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.

- *Trả Giấy phép*: Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thủ tục cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT.

2.8. Phí thẩm định: Phí thẩm định hồ sơ cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: 700.000 đồng/hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan dưới đất (*Mẫu số 07 Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT*);
- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.
- Giấy phép hành nghề khoan dưới nước có quy mô lớn (*Mẫu số 06 Thông tư số 11/2022 TT-BTNMT*)

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép được cấp lại trong các trường hợp và điều kiện sau đây:

- Bị mất;
- Bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được;
- Tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép, giấy phép đã được cấp còn hiệu lực ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên nước năm 2012.
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.
- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC
DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại: Fax: E-mail:

1.4. Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình*) số... ngày ... tháng ... năm ... do (tên cơ quan) cấp.

1.5. Các thông tin về giấy phép đã được cấp: (*Giấy phép số..., cấp ngày ... tháng ... năm ..., cơ quan cấp..., quy mô hành nghề..., thời hạn của giấy phép...*).

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:

..... (2)

3. Cam kết của chủ giấy phép:

- (*Chủ giấy phép*) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị (*tên cơ quan cấp phép*) xem xét cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất cho (*tên chủ giấy phép*)./.

....., ngày ... tháng ... năm

Chủ giấy phép

(*ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có*)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(1) Tên cơ quan đã cấp giấy phép:

(2) Trình bày rõ lý do đề nghị cấp lại giấy phép (kèm theo tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép).

Mẫu số 06

TÊN CƠ QUAN CẤP
PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ

Xét đơn đề nghị (*gia hạn/điều chỉnh nội dung/cấp lại*) giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị*) ngày ... tháng ... năm ... và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước (*trường hợp cơ quan cấp phép là Sở Tài nguyên và Môi trường*),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức/cá nhân, địa chỉ....) hành nghề khoan nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Quy mô hành nghề:

2. Thời hạn hành nghề:

Điều 2. Các yêu cầu đối với (tên tổ chức/cá nhân hành nghề):

.....

..... (1)

Điều 3. *(Tên tổ chức/cá nhân hành nghề)* được hưởng các quyền hợp pháp và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường/Sở Tài nguyên và Môi trường

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước ;
-
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP
PHÉP**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất nhằm quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi bản điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Đối với hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử, thành phần hồ sơ phải nộp là các bản sao chứng thực điện tử.

b) Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ:

Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước) có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

d) Bước 4: Quyết định cấp phép:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép quyết định cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT). Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.

đ) Bước 5: Thông báo kết quả:

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép. Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ*: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép.

Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan dưới đất (*Mẫu số 04 Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT*)

- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- *Quyết định cấp phép*: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).

Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.

- *Trả Giấy phép*: Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT.

3.8. Phí thẩm định: Phí thẩm định hồ sơ Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: 700.000 đồng/hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết số 277/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (*Mẫu số 04* Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).
- Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (*Mẫu số 06* Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT)

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ có đủ các điều kiện sau đây:

- Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Người đứng đầu tổ chức (Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc) hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề (sau đây gọi chung là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ:

Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên; đã trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất 03 (ba) công trình khoan nước dưới đất.

Trường hợp không có một trong các văn bằng quy định nêu trên thì đã trực tiếp thi công ít nhất 05 (năm) công trình khoan nước dưới đất;

b) Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa:

Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan; đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất 03 (ba) công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên nước năm 2012.
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.
- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 02

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN TRONG HOẠT ĐỘNG
KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM
CHÍNH VỀ KỸ THUẬT**

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Số Chứng minh nhân dân / Căn cước công dân / Định danh cá nhân, ngày cấp, nơi cấp:
5. Nơi đăng ký thường trú:
6. Trình độ chuyên môn, ngành nghề được đào tạo:
7. Các văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:
8. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khoan nước dưới đất:
9. Đã trực tiếp tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng hoặc thi công, chỉ đạo thi công các công trình khoan nước dưới đất như sau:
 - Công trình có lưu lượng dưới 200 m³/ngày:(số công trình);
 - Công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đến 3000 m³/ngày: ...(số công trình);
 - Công trình có lưu lượng từ 3000 m³/ngày trở lên:(số công trình);
10. Thống kê các công trình đã trực tiếp tham gia thực hiện:

STT	Thông tin về công trình đã thực hiện				Thời gian thực hiện (2)	Chủ công trình (3)
	Tên công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Lưu lượng, m ³ /ngày đêm	Vai trò trong việc thực hiện (1)		
1						
2						
3						
...						

(Kèm theo giấy tờ chứng minh đã tham gia thiết kế, lập đề án, báo cáo, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công đối với các công trình khoan nước dưới đất kê khai trong bảng nêu trên).

Tôi xin cam đoan các thông tin kê khai nêu trên là đúng sự thật./.

Xác nhận của tổ chức, cá nhân
(đề nghị cấp phép)

..... ngày.... tháng..... năm

Người khai

(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ là chủ trì hoặc tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công...

(2) Ghi rõ tháng, năm, thời gian tham gia thực hiện, thi công công trình.

(3) Ghi rõ tên của chủ công trình.”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP
HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại: Fax: E-mail:

1.4. Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình*) số... ngày ... tháng ... năm ... do (*tên cơ quan*) cấp.

1.5. Các thông tin về giấy phép đã được cấp: (*Giấy phép số..., cấp ngày ... tháng ... năm ..., cơ quan cấp..., quy mô hành nghề..., thời hạn của giấy phép...*).

1.6. Bản kê khai năng lực chuyên môn kỹ thuật hành nghề khoan nước dưới đất của chủ giấy phép (*đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quy mô hành nghề*):

a) Nguồn nhân lực:

- Thủ trưởng đơn vị hành nghề (*đối với tổ chức*) hoặc cá nhân: (*họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề*).

- Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật: (*họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề*).

- Tổng số người: người, trong đó:

+ Số lượng có trình độ đại học trở lên: người.

+ Số công nhân, trung cấp hoặc tương đương: người.

b) Máy móc, thiết bị chủ yếu:

- Máy khoan:

Tên máy, thiết bị khoan	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất	Đường kính khoan lớn nhất (mm)	Chiều sâu khoan lớn nhất (m)	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị khoan							

- Thiết bị khác:

Tên máy, thiết bị	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật chủ yếu	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị của tổ chức, cá nhân (máy bơm các loại, máy nén khí, thiết bị đo địa vật lý dụng cụ đo mực nước, lưu lượng, máy định vị GPS...)					

(Trường hợp máy khoan và các thiết bị hành nghề không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thì phải kèm theo hợp đồng liên doanh hoặc giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc được sử dụng hợp pháp máy khoan, thiết bị trong thời gian hành nghề)

2. Tình hình thực hiện các quy định của giấy phép:..... (2)

3. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:.....

4. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn: *(ghi rõ số tháng/hoặc năm nhưng tối đa không quá 03 năm)*.

- Nội dung đề nghị điều chỉnh: *(ghi rõ nội dung đề nghị điều chỉnh)*.

5. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:..... (3)

6. Cam kết của chủ giấy phép:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) có đủ năng lực chuyên môn kỹ thuật để hành nghề khoan nước dưới đất quy mô

..... Đề nghị *(tên cơ quan cấp phép)* xem xét gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất theo những nội dung nêu trên./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu hành nghề với quy mô lớn) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (nếu hành nghề với quy mô vừa và nhỏ).

(2) Chủ giấy phép tự đánh giá về tình hình thực hiện quy định của giấy phép trong quá trình hành nghề như: tuân thủ quy trình kỹ thuật khoan, bảo vệ nguồn nước dưới đất, về thực

hiện chế độ báo cáo, các công trình khoan nước dưới đất đã thực hiện; về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định của pháp luật có liên quan...

(3) Liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ.

TÊN CHỦ GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT ĐÃ THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN SỬ DỤNG GIẤY PHÉP

(từ tháng /năm đến tháng /năm)

TT	Tên công trình	Tên chủ công trình	Lưu lượng công trình (m ³ /ngày đêm)	Số lượng giếng	Vị trí công trình		
					Xã/ phường, thị trấn	Quận/huyện, thị xã, thành phố	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
3							
4							
5							
6							

....., ngày...tháng...năm...

Chủ giấy phép

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

TÊN CƠ QUAN CẤP
PHÉP

Số: .../...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ

Xét đơn đề nghị (*gia hạn/điều chỉnh nội dung/cấp lại*) giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị*) ngày ... tháng ... năm ... và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước (*trường hợp cơ quan cấp phép là Sở Tài nguyên và Môi trường*),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức/cá nhân, địa chỉ...) hành nghề khoan nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Quy mô hành nghề:

2. Thời hạn hành nghề:

Điều 2. Các yêu cầu đối với (tên tổ chức/cá nhân hành nghề):

.....

..... (1)

Điều 3. *(Tên tổ chức/cá nhân hành nghề)* được hưởng các quyền hợp pháp và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường/Sở Tài nguyên và Môi trường/.

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước *(trường hợp giấy phép do Sở TNMT cấp)*;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố... *(trường hợp giấy phép do Bộ TN&MT cấp)*;
-
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP
PHÉP**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất nhằm quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.